

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Luồng hàng hải chuyên dùng Ba Lạt.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thành.

Đại diện: Ông Thạch Tân Quang Minh Chức vụ: Tổng giám đốc

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

* Phạm vi thực hiện dự án:

- Địa chỉ: Xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên.
- Vị trí thực hiện dự án: Tuyến luồng hàng hải chuyên dùng Ba Lạt có vị trí trùng với tuyến luồng đường thủy nội địa sông Hồng đoạn tại xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên kéo dài ra cửa Ba Lạt.

- Ranh giới vị trí:

- + Phía Bắc: Giáp khu vực nuôi trồng thủy sản;
- + Phía Tây: Giáp khu đậu tàu của bến cảng hàng lồng Ba Lạt;
- + Phía Nam: Giáp Ninh Bình, vườn quốc gia Xuân Thủy;
- + Phía Đông: Giáp Biển Đông;

Diện tích mặt nước được giới hạn bởi vị trí tuyến luồng có tọa độ VN 2000, múi chiếu 105°30' cụ thể như sau:

TT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000 (KTT 105°30', MC 3°)		Ghi chú
		X(M)	Y(M)	
1	T1	2242876,71	611753,01	Biên phải luồng
2	T2	2241290,62	613195,22	Biên phải luồng
3	T3	2235427,48	616247,05	Biên phải luồng

4	T4	2235404,40	616202,70	Biên trái luồng
5	T5	2241195,61	613188,30	Biên trái luồng
6	T6	2241316,96	613103,69	Biên trái luồng
7	T7	2242843,07	611716,01	Biên trái luồng

TT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000 (KTT 105°30', MC 3°)		Chức năng
		X(M)	Y(M)	
1	P0	2235061,13	616409,56	Phao báo hiệu vùng nước an toàn
2	P1	2235441,33	616273,664	Phao báo hiệu bên phải luồng
3	P2	2235390,54	616176,091	Phao báo hiệu biên trái luồng
4	P3	2241307,92	613220,036	Phao báo hiệu bên phải luồng
5	P4	2241239,13	613121,386	Phao báo hiệu bên trái luồng
6	P5	2242583,53	612060,144	Phao báo hiệu bên phải luồng
7	P6	2242822,89	611693,817	Phao báo hiệu bên trái luồng

* Quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích khu vực nạo vét khoảng 43,8 ha.
- Tổng khối lượng nạo vét khoảng 742.219,22 m³.

Chuẩn tắc thiết kế của tuyến luồng như sau:

Luồng tàu 1 làn: Chiều rộng luồng B= 50m; Khúc cong: B = 600m

Cao độ đáy luồng thiết kế cho tàu 3.000 tấn đầy tải là -4,7m hệ hải đồ (tương đương -6,5m hệ Nhà nước). Đối với tàu đến 5.000 tấn cần giảm tải với mức nước 5,5m đảm bảo hàng hải trên luồng.

Mái dốc nạo vét: m = 10

1.3. Công nghệ thi công:

Thi công nạo vét: Thực hiện nạo vét bằng tàu hút bùn tự hành và sà lan tại các vị trí cần nạo vét, đảm bảo chuẩn tắc trên tuyến luồng; Di chuyển sà lan, tàu hút bùn tự hành chứa vật, chất nạo vét đến bãi chứa.

Phương tiện sử dụng bao gồm:

- 02 tàu hút bùn tự hành công suất 5495 CV
- 02 tàu kéo
- 01 Cầu 25 tấn kết hợp sà lan

- Các thiết bị phụ trợ: tàu cấp dầu, cấp nước, ca nô.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

- + Hoạt động tập kết nguyên vật liệu, thiết bị thi công;
- + Hoạt động thi công lắp đặt phao báo hiệu, rùa neo;
- + Hoạt động nạo vét trên tuyến luồng;
- + Hoạt động vận chuyển vật, chất nạo vét từ vị trí nạo vét đến khu vực lưu chứa;
- + Hoạt động của cán bộ công nhân viên thi công.
- + Nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước từ 0,5 ha trở lên đối với đất của vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

a) Vị trí, ranh giới dự án;

- Vị trí thực hiện dự án: Tuyến luồng hàng hải chuyên dùng Ba Lạt có vị trí trùng với tuyến luồng đường thủy nội địa sông Hồng đoạn tại xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên kéo dài ra cửa Ba Lạt.

- Ranh giới vị trí:

- + Phía Bắc: Giáp khu vực nuôi trồng thủy sản;
- + Phía Tây: Giáp khu đậu tàu của bến cảng hàng lỏng Ba Lạt;
- + Phía Nam: Giáp Ninh Bình, vườn quốc gia Xuân Thủy
- + Phía Đông: Giáp Biển Đông;

b) Môi trường xung quanh của dự án với các đối tượng xung quanh:

- Khu dân cư hiện có: Khoảng cách từ dự án đến khu dân cư hiện có của xã Hưng Phú khoảng 2,1 km.

- Hệ thống sông: Xung quanh khu vực thực hiện dự án có hệ thống sông Hồng, các lạch ven sông. Đây là hệ thống sông đã có phục vụ giao thông đường thủy nội địa, nuôi trồng thủy sản,...

- Khoảng cách từ dự án đến UBND xã Hưng Phú khoảng 6,0 km.

- Khoảng cách từ dự án đến Trường THCS xã Nam Phú khoảng 2,0 km.
- Khoảng cách từ dự án đến Nhà thờ Giáo Họ Biên Hải khoảng 2,4 km.
- Khoảng cách từ dự án đến Chùa Phúc Thành khoảng 2,6 km.
- Khoảng cách từ dự án đến Nhà thờ giáo xứ Hoàn Đông, Nhà thờ giáo họ Hoàn Tam, nhà thờ giáo họ Phú Ninh xã Giao Minh, Ninh Bình về phía Đông Bắc khoảng 3,7 km.

- Khoảng cách từ dự án đến khu vực nuôi trồng thủy sản khoảng 300m.
- Khoảng cách từ dự án đến Khu du lịch biển Cồn Vành khoảng 3,2 km.

c) Các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án:

- Khoảng cách gần nhất từ dự án đến Vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải khoảng 2,0 km.
- Khoảng cách gần nhất từ dự án đến Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải khoảng 2,9 km.
- Khoảng cách gần nhất từ dự án đến Phân khu phục hồi sinh thái của Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải khoảng 4,6 km.
- Khoảng cách từ dự án đến Vườn quốc gia Xuân Thủy tại xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định khoảng 1,5km.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

** Nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của 60 cán bộ, công nhân thi công khoảng 7,2 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ và vi sinh vật.

- Nước thải phát sinh từ thi công rửa neo khoảng 2,0 m³/ngày.

- Nước rò rỉ chảy tràn từ bãi chứa vật, chất nạo vét khoảng 8,83 m³/ngày; thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, tạp chất khác.

** Bụi, khí thải:*

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển, tập kết vật liệu thi công rửa neo; Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công nạo vét, phương tiện vận chuyển vật, chất nạo vét; thành phần chủ yếu gồm bụi, SO₂, NO_x, CO.

** Chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

- Chất thải rắn sinh hoạt: 48 kg/ngày
- Chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải phát sinh từ thi công rùa neo, khoảng 1,38 tấn.

+ Vật, chất thải từ hoạt động nạo vét tuyến luồng: 890.663,06 tấn.

- Chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 190,63 kg bao gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, que hàn, đầu mẫu que hàn thải...

** Tiếng ồn, độ rung:*

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, quá trình nạo vét, vận chuyển vật, chất nạo vét.

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

** Các tác động khác:*

- Tác động của dự án đến giao thông thủy:

Tuyến đường vận chuyển vật, chất nạo vét của Dự án không có tuyến hàng hải nào đi ngang qua nó, không đi vào khu vực đón trả hoa tiêu, chỉ có tàu nhỏ của người dân đi đánh bắt thủy hải sản do đó việc vận chuyển gần như không tác động tới hoạt động giao thông thủy khu vực.

Khu vực nạo vét nằm trong khu vực nội địa Sông Hồng, nơi diễn ra hoạt động ra vào của tàu thuyền đánh bắt thủy hải sản với mật độ 10-20 tàu. Do đó quá trình nạo vét nếu không bố trí hợp lý sẽ gây cản trở, tắc nghẽn giao thông đường thủy tại khu vực, có thể gây tai nạn đường thủy, làm các tàu bị va đập.

- Tác động đến hệ sinh thái khu vực dự án: Quá trình nạo vét làm nước đục, cản trở quá trình quang hợp của TVPD, rong biển; gây hại cho các HST biển, ảnh hưởng tới các loài sinh vật đáy, sinh vật phù du. Trong phạm vi nạo vét và vật liệu thải từ quá trình nạo vét sẽ làm giảm số lượng và thành phần loài. Tuy nhiên, sau khi hoạt động nạo vét chấm dứt, lớp bùn, cát được bồi hoàn; vòng đời của các nhóm sinh vật là ngắn (từ 7-30 ngày) nên khả năng phục hồi của các nhóm sinh vật này là rất nhanh sau khi ổn định nền đáy; Khuấy động lớp trầm tích đáy, gia tăng bùn cát lơ lửng, làm cho nồng độ các chất ô nhiễm trong nước tăng lên. Hàm lượng chất rắn lơ lửng trong nước tăng cản trở ánh sáng chiếu xuống tầng đáy, do đó cản trở quá trình quang hợp của các loài tảo trong Dự án. Gây hạn chế trao đổi chất và sự phát triển của các loài, làm nghèo đi lượng thức ăn cho các hệ động vật; Quá trình nạo vét làm thay đổi dòng chảy của khu vực thực hiện Dự án, sẽ mang theo một số loài của các khu vực lân cận tới khu vực thực hiện Dự án làm phát sinh các mối quan hệ giữa các loài sinh vật mới và các loài sinh vật hiện trạng. Mối quan hệ nếu là cộng sinh, tương hỗ sẽ làm phát triển hệ sinh vật thủy sinh của khu vực thực hiện Dự án, làm tăng tính đa dạng sinh học. Mối quan hệ nếu là cạnh tranh, con mồi – kẻ thù sẽ làm thay đổi thành phần loài, số lượng hệ

sinh vật thủy sinh của khu vực thực hiện Dự án. Hệ sinh vật của khu vực thực hiện Dự án sẽ được thay thế bằng hệ sinh vật mới có thành phần loài và số lượng gần giống hoặc khác xa hệ sinh thái ban đầu.

- Tác động đến hoạt động đánh bắt thủy hải sản của người dân: Xung quanh khu vực Dự án có hoạt động đánh bắt thủy hải sản của người dân xã Hưng Phú, tuy nhiên theo hình thức nhỏ lẻ, hộ gia đình. Thủy hải sản hầu hết là các loài có giá trị kinh tế như: ngao, cua, ghẹ, tôm do đó việc thi công Dự án sẽ gia tăng độ đục, khuấy động lớp bùn cát đáy làm ảnh hưởng tới môi trường sống của các loài thủy hải sản. Từ đó chúng phân tán và di cư tới nơi khác sinh sống làm giảm năng suất đánh bắt và thu nhập của người dân, họ phải di chuyển tới khu vực mới có nguồn lợi thủy hải sản cao hơn để đánh bắt.

- Tác động đến lòng, bờ, bãi sông Hồng: Kết quả đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông Hồng khi thực hiện Dự án có tác động đến lòng, bờ, bãi sông với mức độ không lớn. Công trình nằm trên tuyến chính sông Hồng nên cần xem xét đánh giá tác động của công trình đến khả năng thoát lũ của hệ thống sông, do đó phạm vi mô hình tính toán lớn; các số liệu về địa hình còn hạn chế như chỉ cập nhật được mặt cắt địa hình ngang sông của các tuyến chính của hệ thống sông Hồng và địa hình bình đồ chi tiết lòng sông (phần dưới nước) của đoạn sông khu vực tuyến công trình, các khu vực khác số liệu địa hình được kế thừa từ nguồn số liệu đo đạc từ những năm trước đây. Do đó, kết quả tính toán của mô hình có thể còn có những sai số nhất định. Vì thế, trong giai đoạn tiếp theo cần bổ sung đo đạc, thu thập dữ liệu và xây dựng mô hình tính toán chi tiết hơn để đánh giá chuẩn xác được sự ảnh hưởng của công trình đến khả năng tiêu thoát lũ của sông Hồng tại cửa Ba Lạt cũng như ảnh hưởng của lũ trên sông Hồng đến công trình cảng biển.

Trong quá trình thi công ảnh hưởng đến an toàn luồng tàu và hoạt động vận tải do: Thủy triều và dòng chảy sông kết hợp gây xói mòn đáy và bờ, các đập lớn thượng lưu sông Hồng làm giảm lượng trầm tích, gây mất cân bằng bồi-xói; nạo vét luồng tàu thường xuyên làm thay đổi động lực dòng chảy, tăng nguy cơ xói lở cục bộ; tàu ra vào cảng tạo sóng, gây xói mòn chân bờ; biến đổi khí hậu làm tăng tần suất bão và lũ lớn làm gia tăng xói lở; nước biển dâng làm tăng ảnh hưởng thủy triều, gây xói mòn bờ ven biển.

- Tác động sự cố rò rỉ, chảy tràn vật liệu nạo vét: Trong quá trình vận chuyển vật chất nạo vét, lưu giữ tạm thời có thể xảy ra rò rỉ, chảy tràn vật chất nạo vét do ống dẫn bùn bị nứt, hỏng, lỏng khớp nối; quá tải lưu lượng bơm; Thiếu giám sát trong quá trình thi công dẫn đến làm tăng độ đục của nước, cản trở quang hợp của thực vật thủy sinh; ảnh hưởng tới khai thác, nuôi trồng thủy sản xung quanh khu vực.

2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

** Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt:

+ Đối với nước thải sinh hoạt trên tàu: Sử dụng các phương tiện thi công có trang bị nhà vệ sinh, kết chứa nước thải sinh hoạt. Định kỳ các phương tiện thi công sẽ cập bờ, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom toàn bộ nước thải từ các thiết bị và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Đối với nước thải sinh hoạt từ khu vực thuê nhà dân: Nước thải phát sinh được thu gom và xử lý theo hệ thống sẵn có của nhà dân.

- Nước thải thi công rửa neo: Nước thải từ khu vực vệ sinh máy móc thiết bị được thu gom, xử lý bằng 01 hồ lắng dung tích 2 m³/hồ, nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho thi công.

- Nước thải từ bãi chứa tạm vật, chất nạo vét:

+ Bố trí các bãi chứa tạm bùn đất với cấu tạo gồm nhiều ô chứa ngăn cách nhau bởi các đê bao bằng ống địa kỹ thuật (geotube) để nước rò không chảy tràn vào các khu vực xung quanh. Giữa các ô này đều có cửa thông nước với nhau nên khi bơm bùn vào sẽ chảy lần lượt qua các ô rồi ra đến cửa tràn khỏi bãi;

+ Lót đáy bằng vật liệu chống thấm như HDPE để ngăn nước thấm xuống đất nền.

+ Thường xuyên nạo vét các rãnh thu, ống dẫn để tránh tắc nghẽn dòng nước chảy;

+ Che phủ bãi trong mùa mưa bằng bạt HDPE hoặc mái che tạm thời để hạn chế nước mưa thấm vào đất thải, giảm lượng nước rò.

** Công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:*

- Sử dụng phương tiện đúng số lượng, chủng loại, công suất được duyệt và có giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định;

- Thực hiện chế độ duy tu, bảo dưỡng định kỳ;

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân (khẩu trang, găng tay....).

** Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực thuê nhà của nhà dân: Bố trí thùng đựng rác có nắp đậy, dung tích từ 120 lít đảm bảo thu gom toàn bộ CTRSH phát sinh và phân loại tại nguồn. Rác thải sinh hoạt phát sinh được đội

vệ sinh môi trường địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý.

Đối với cán bộ công nhân viên trên phương tiện thủy: Phương tiện thủy tham gia thi công được bố trí thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt chuyên dụng và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định; Nghiêm cấm xả chất thải rắn sinh hoạt ra môi trường xung quanh; Định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công rửa neo được tập kết tại vị trí, chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Đối với vật, chất nạo vét: Toàn bộ đất thải phát sinh từ quá trình nạo vét được quản lý theo quy định tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa, cụ thể như sau:

+ Trước khi tiến hành thi công nạo vét, Chủ đầu tư lập phương án nạo vét, vị trí đổ chất nạo vét cụ thể (thời gian, tiến độ thi công, quy mô công trình, chủng loại và số lượng phương tiện thi công, hình thức thực hiện, khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, biện pháp đảm bảo vệ sinh, môi trường,...) trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận làm cơ sở thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

+ Lắp đặt biển báo tại khu vực gần công trường thi công, biển báo công trình thể hiện các nội dung về cơ quan phê duyệt, chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, tổ chức tư vấn giám sát, đơn vị thi công, quy mô công trình, tiến độ thi công, thời gian bắt đầu thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn thực hiện, hình thức thực hiện, khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ.

+ Tổ chức giám sát công tác thi công, đổ chất nạo vét trong suốt thời gian từ khi bắt đầu đến khi kết thúc hoạt động nạo vét.

+ Phương tiện, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển chất nạo vét phải lắp đặt thiết bị giám sát nạo vét và bảo đảm các điều kiện hoạt động theo quy định pháp luật.

+ Chỉ được phép đổ chất nạo vét vào vị trí được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện đổ thải chất nạo vét đúng khối lượng, vị trí đã được chấp thuận và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh bãi thải, bãi chứa vật chất nạo vét trong quá trình thi công.

+ Lắp đặt trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm do rác thải theo quy định tại Phần 9 – QCVN 26:2018/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu.

- Chất thải nguy hại:

+ Trang bị thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, đảm bảo lưu giữ an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn theo quy định trên từng phương tiện thủy tham gia thi công.

+ Lưu giữ tạm thời trên phương tiện thi công; định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định khi các phương tiện thi công cập bờ.

* *Tiếng ồn, độ rung:*

- Phương tiện tham gia thi công đúng số lượng, chủng loại, công suất; có chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và tiêu chuẩn về môi trường theo quy định.

- Thi công từng khu vực, không thi công nạo vét vào ban đêm;

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, đảm bảo theo quy định.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

* *Giảm thiểu các tác động khác:*

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học, nguồn lợi thủy sản, nuôi trồng thủy sản: Phân chia phạm vi khu vực nạo vét thành những dải thi công nhỏ để lượng bùn lắng chuyển di liên tục với số lượng vừa phải và khi lượng bùn nạo vét được chuyển tải vào bãi chứa tạm thì khu vực khai thác xong được khoanh vùng, vì thế giảm độ đục của nước; Điều chỉnh thời gian thi công hợp lý với phương án thi công và phù hợp với quy định hiện hành, phân bổ đều dải nạo vét cho các phương tiện thi công tại các vị trí; Tiến hành thi công cuốn chiếu theo từng mặt cắt; Thi công nạo vét đúng tiến độ, quy trình, biện pháp nạo vét, thống nhất luồng nạo vét để hạn chế thấp nhất biến động địa hình đáy sau nạo vét; Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu đối với các nguồn phát sinh chất thải như: nước thải, bụi, khí thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đã được nêu chi tiết ở các mục trên; Thường xuyên kiểm tra các thùng chứa nhiên liệu, thùng chứa CTNH để hạn chế thất thoát, không để rò rỉ, rơi vãi xuống mặt nước trong quá trình thi công.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của tàu ra vào dự án đến tuyến đường thủy nội địa sông Hồng: Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường thủy trong quá trình thi công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công; Lắp đặt biển báo, tín hiệu khu vực công trình đang thi công theo Luật Giao thông đường thủy nội địa, chủ động nhường luồng cho tàu vận tải đi qua; Xác định vị trí nạo vét và không chế bằng phao báo hiệu để đảm bảo an toàn cho tàu thuyền qua lại; Thực hiện phân luồng nạo vét, đảm bảo cho tàu thuyền đi lại và hoạt động trong thời gian thực hiện nạo vét.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động đánh bắt thủy sản: Thực hiện nạo vét, nhận chìm đúng phạm vi, ranh giới được cấp phép; Nạo vét đúng thiết kế, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và đúng khối lượng quy định; Thực hiện cấm phao, biển báo khu vực thi công, nhận chìm và tuyến đường vận chuyển; Thi công nhanh chóng và gọn, thực hiện đúng tiến độ; Thông báo kế hoạch thi công để người dân khu vực xung quanh nắm được và chủ động trong việc đánh bắt thủy hải sản.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của dự án đến lòng, bờ, bãi sông Hồng: Chủ dự án phối hợp cùng đơn vị thi công thực hiện cấm mốc khu vực theo dõi đường bờ. Khi tiến hành thực hiện, Chủ đầu tư sẽ tiến hành thực hiện quy trình kiểm tra địa hình đáy, đào đất đúng độ sâu quy định để tránh gây xói lở và các biến cố rạn nứt, sụp lở đất gây ảnh hưởng đến đường bờ khu vực; Thực hiện nạo vét theo đúng thiết kế; kiểm tra tọa độ, mái dốc từng khu vực nạo vét theo hồ sơ thiết kế; theo dõi độ sâu nạo vét đảm bảo không nạo vét quá độ sâu cho phép, sau khi kết thúc từng dải thi công phải đo đạc và nghiệm thu, trường hợp chưa đủ độ sâu thiết kế sẽ tiến hành nạo vét thêm tới khi đạt độ sâu thiết kế. Trường hợp độ sâu vượt quá giá trị thiết kế chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu thi công phải bù cát vào những vị trí đó để ổn định địa chất khu vực, nếu có hiện tượng sạt lở sẽ dừng ngay việc thi công, thực hiện gia cố và điều chỉnh thiết kế thi công.

** Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:*

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu: Các phương tiện thi công, tàu vận chuyển cát, bùn đất khi lưu thông sẽ tuân thủ đúng các quy định đảm bảo an toàn hàng hải để tránh hiện tượng đâm va, gây tai nạn; Chủ đầu tư và đơn vị thi công tổ chức giám sát chặt chẽ các phương tiện vận chuyển bùn; Thường xuyên kiểm tra bình chứa nhiên liệu tại các phương tiện thi công và vận chuyển đảm bảo không có dầu bị rò rỉ ra ngoài môi trường; Không sử dụng nước để dội rửa và vệ sinh trên các phương tiện vận chuyển tại những vị trí có dầu nhớt rò rỉ, rơi vãi. Có thể dùng các loại giẻ lau chùi, để thấm hút. Sau đó, toàn bộ các loại giẻ lau dính dầu này được thu gom vào thùng chứa và xử lý cùng với các chất thải nguy hại

phát sinh trong quá trình hoạt động của phương tiện. Ngoài ra, có các biện pháp che chắn đối với các vị trí hoạt động của máy móc, thiết bị có dầu thường hay rơi vãi để hạn chế việc nước mưa cuốn trôi xuống sông; Các tàu thi công cần có Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu được quy định trong QCVN 17:2011/BGTVT sửa đổi lần 2:2016 do Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 15/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2017. Quy chuẩn này quy định việc kiểm tra, kết cấu và trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm lắp đặt trên các phương tiện thủy nội địa nhằm ngăn ngừa ô nhiễm do hoạt động của các phương tiện này gây ra.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, chảy tràn vật liệu nạo vét: Tuân thủ đúng biện pháp thi công; các phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; công nhân giám sát các hoạt động đổ vật liệu nạo vét lên bãi chứa tránh hiện tượng tràn bờ, vỡ bờ bao, chỉ tiếp tục phun khi đã gia cố, khắc phục đảm bảo an toàn bờ bao; dịch chuyển các đầu phun sang vị trí khác để đảm bảo quá trình phun được thông suốt đồng thời giám sát các chỗ ống nối phun để kịp thời phát hiện sự cố rò rỉ, yêu cầu dừng để khắc phục sự cố trước khi tiếp tục hoạt động đổ vật, chất nạo vét.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

** Chương trình quản lý:*

Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
2	3	4	5
Hoạt động vận chuyển vật liệu thi công	- Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển - Tiếng ồn, độ rung	+ Sử dụng phương tiện có đăng kiểm để hạn chế khí thải; + Có kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế thi công vào giờ cao điểm, không thi công vào giờ nghỉ ngơi	6 tháng
Hoạt động nạo vét, thi công lắp đặt rùa neo.	- Bụi, khí thải từ phương tiện thi công nạo vét, tiếng ồn - Nước thải sinh hoạt - Chất thải rắn sinh hoạt	+ Các phương tiện thi công có giấy đăng kiểm phương tiện thủy nội địa theo quy định. + NTSH: Trên mỗi phương tiện thi công đã trang bị nhà vệ sinh, kết chứa nước thải sinh hoạt. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng	

		thu gom, xử lý theo quy định khi phương tiện thi công cập bờ. + Trang bị thùng chứa rác trên mỗi thiết bị thi công. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định khi tàu cập bến.	
Hoạt động vận chuyển vật chất nạo vét	- Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển vật chất nạo vét - Vật, chất nạo vét - Chất thải nguy hại	+ Các phương tiện thi công có giấy đăng kiểm phương tiện thủy nội địa theo quy định. + Lắp đặt các thiết bị quản lý, giám sát tàu thuyền, kiểm soát vận chuyển vật chất nạo vét theo quy định. + Trang bị thùng chứa rác trên mỗi thiết bị thi công. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định khi tàu cập bến.	
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên	- Nước thải sinh hoạt - Chất thải rắn sinh hoạt.	Trên mỗi phương tiện thi công đã trang bị nhà vệ sinh, két chứa nước thải sinh hoạt; thùng lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định khi phương tiện thi công cập bờ.	

* *Giám sát môi trường:*

a. Giám sát môi trường không khí xung quanh.

Số điểm giám sát: 02 điểm;

Vị trí giám sát: Đầu và cuối hướng gió chính khu đất thực hiện dự án;

Tần suất giám sát: 06 tháng một lần và đột xuất khi có sự cố, ý kiến của người dân;

Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung;

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

b. Giám sát nước mặt:

- Vị trí: 02 vị trí tại khu quay trở và thượng lưu khu quan trở
- Tần suất: trước khi bắt đầu thi công và sau khi thi công xong
- Số lượng: 02 mẫu tương ứng với 02 vị trí lấy mẫu.
- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, Amoni, Tổng dầu mỡ, Coliform.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Bảng 2 – Mức B).

c. Giám sát chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý; định kỳ chuyển giao nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

d. Giám sát hoạt động nạo vét bảo đảm quy định tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

e. Giám sát ảnh hưởng đến lòng, bờ, bãi sông Hồng khu vực dự án.

3. Cam kết của chủ dự án:

- Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn; chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thi công dự án.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trạch Văn Quang Minh